|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH CAO BẰNG**Số: KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2023* |

 (Dự thảo)

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 27/2/2023 của Chính phủ; Chương trình hành** **động số 20-CTr/TU, ngày 27/02/2023 của Tỉnh uỷ Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW)*; Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 27/2/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 26/NQ-CP)*; Chương trình hành động số 20-CTr/TU, ngày 27/02/2023 của Tỉnh uỷ Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 20-CTr/TU)*, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Triển khai đầy đủ, nghiêm túc và cụ thể hoá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW,Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 20-CTr/TU để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên địa bàn tỉnh.

**2. Yêu cầu**

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 20-CTr/TU nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục các khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đề ra đạt hiệu quả cao, chất lượng, đúng tiến độ.

**II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN**

**1. Mục tiêu đến năm 2030**

**1.1. Mục tiêu tổng quát**

- Về nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế thị trường, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến; áp dụng công nghệ hiện đại nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản; bảo đảm nhu cầu lương thực tại chỗ.

- Về nông dân: Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, chuyển đổi số, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Về nông thôn: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ mới; cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quản lý bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Về nông nghiệp:

+ Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp bình quân đạt trên 3,0 %/năm.

+ Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thuỷ sản bình quân từ 5,5-6 %/năm.

+ Diện tích rừng có chứng chỉ bền vững đạt 10.000 ha

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 60%.

+ Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thuỷ sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 40%.

+ Phát thải khí metan trong trồng trọt (phát thải khí metan từ trồng lúa) dưới 0,36 Triệu tấn CO2tđ; phát thải khí metan trong chăn nuôi dưới 6,07 Triệu tấn CO2tđ.

- Về nông dân:

+ Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 – 6 %/năm.

+ Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 50 %.

+ Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động nông thôn.

+ Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo trên 70 %.

- Về nông thôn:

+ Số xã đạt chuẩn nông thôn mới 70 xã, chiếm 50 %, trong đó, phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 15 xã, chiếm 21%. Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới 05 huyện, trong đó phấn đấu 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

+ Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%.

+ Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn đạt 10%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn giảm từ 1-1,5%/năm

+ Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

+ Đầu từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn so với giai đoạn 2011-2020 tăng trên 4 lần.

*(Các chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)*

**2. Tầm nhìn đến năm 2045**

Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao gắn kết chặt chẽ với thị trường, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại. Xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

**III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP**

**1. Đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền, đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Phân công trách nhiệm các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cụ thể hóa những chủ trương và giải pháp lớn, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị triển khai các nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 20-CTr/TU. Thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập, phổ biến thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác để phổ biến, nâng cao nhận thức về các mục tiêu, định hướng và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình hành động số 20-CTr/TU cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

- Thực hiện tuyên truyền thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các hình thức khác để phổ biến thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng, hướng tới nhận thức, hành động đúng, đầy đủ, toàn diện và có kết quả, hiệu quả thực chất nhằm tạo đồng thuận xã hội và vào cuộc của cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình hành động số 20-CTr/TU và các văn bản, cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn có liên quan.

**2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn**

**a) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, rút ngắn khoảng cách tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, tập trung, quy mô lớn; đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tập trung triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó triển khai phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của đất nước trong từng giai đoạn.

- Trên cơ sở các Chương trình, đề án của Trung ương, tiến hành triển khai có hiệu quả: xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn”; xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn; xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở vùng nông thôn; xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mô hình đào tạo, bồi dưỡng nghề gắn với thực hành sản xuất nông nghiệp và giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên nông thôn; xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 – 2035;

**b) Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn**

- Thực hiện quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tổ chức hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội như: chính sách dân số và phát triển; chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn; chính sách bảo hiểm, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; chính sách việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội phát huy vai trò của mình trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh cuộc vận động “Cao Bằng chung sức xây dựng nông hôn mới”, các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”…

**3. Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn toàn diện gắn với đô thị hoá; phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

**a) Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn mới toàn diện gắn với đô thị hoá**

- Triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quá trình đô thị hóa, nhất là ở các vùng có nhiều khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực biên giới;

- Ưu tiên dành nguồn lực đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp điện, hạ tầng chế biến, bảo quản nông, lâm sản...đồng thời xây dựng, hoàn thiện, bảo trì các công trình hạ tầng thiết yếu khác như: hạ tầng thông tin, thương mại, y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, công trình nước sạch… đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp, huy động tối đa nội lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Triển khai xây dựng nông thôn mới đồng bộ, toàn diện; thực hiện đổi mới nội dung, nâng cao hiệu quả, xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể của từng địa phương, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các xã đã được công nhận nông thôn mới; ưu tiên tập trung cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp xóm, bản.

**b) Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn**

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống…) gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại.

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các vùng có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, tạo điều kiện hình thành động lực tăng trưởng cho các địa phương.

- Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch chuyển cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động làm việc ở khu vực dịch công nghiệp, dịch vụ.

- Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình OCOP, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống. Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có từ 150 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên, trong đó: phấn đấu 10 sản phẩm đạt 4 sao và 01 sản phẩm đạt 5 sao; phấn đấu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa; có 30% chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định.

- Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại,hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

**4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**

**a) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo**

- Triển khai ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ trong nông nghiệp, tập trung việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh; chú trọng khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gắn với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao giá trị đáp ứng yêu cầu thị trường

- Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm gắn chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các Viên, Trường, Trung tâm nghiên cứu, thực hiện đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa.

- Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương. Phát triển các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh, Trung tâm Khuyến nông và giống nông lâm nghiệp tỉnh để đáp ứng việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

**b) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn**

- Thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

- Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...).

**5. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện hiệu quả các thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

**a) Tham gia xây dựng, triển khai hệ thống thể chế, chính sách**

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng các quy định, đồng thời rà soát, tham gia góp ý với Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện các thể chế, chính sách, trong đó:

+ Rà soát, tham gia góp ý sửa đổi Luật đất đai và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách pháp luật về đất đai để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tạo điều kiện sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp nhằm tổ chức sản xuất theo nhu cầu của thị trường.

+ Tổ chức triển khai đảm bảo thực hiện đúng quy định, đồng thời rà soát, bổ sung, kiến nghị hoàn thiện các Luật, quy định trong lĩnh vực nông nghiệp như: Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Lâm nghiệp, Luật Thuỷ sản, Luật Thuỷ lợi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Hợp tác xã, Luật an toàn thực phẩm…

+ Tổ chức triển khai đảm bảo thực hiện đúng quy định, đồng thời rà soát, bổ sung, kiến nghị sửa đổi Luật Hợp tác xã và các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của các chính sách đã ban hành để sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh, trong đó:

+ Cập nhật việc triển khai các cơ chế, chính sách mới của Trung ương để xem xét, bổ sung, thay thế Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND, ngày 05/7/2012 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

+ Rà soát, sửa đổi các quy định, điều kiện hỗ trợ, định mức hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện cho người dân dễ tiếp cận với nguồn hỗ trợ.

+ Tổ chức triển khai, lồng ghép, bố trí nguồn kinh phí để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nội dung chi, mức chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các Nghị quyết mới của HĐND tỉnh ban hành để triển khai các nội dung phát triển nông nghiệp, nông thôn tại các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

**b) Về chính sách đất đai**

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất hàng năm; công khai minh bạch trong xây dựng và triển khai các quy hoạch đất đai về thông tin quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá tập trung cho nông sản chủ lực. Tạo điều kiện cho nông dân mở rộng quy mô sản xuất và sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp đạt thu nhập cao; người dẫn dễ dàng chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn, thế chấp trong thị trường giao dịch thống nhất. Hỗ trợ các nông dân sản xuất hiệu quả tích tụ đất nông nghiệp làm trang trại. Hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp mua, thuê hoặc nhận vốn góp bằng đất nông nghiệp của các hộ nông dân.

- Thực hiện rà soát, phân chia lại 3 loại rừng *(rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)* phù hợp với điều kiện thực tế; hoàn thành dự án lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sang xuất để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có quỹ đất để tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp. Sử dụng có hiệu quả quỹ đất trống để trồng rừng, nâng độ che phủ rừng và phát triển kinh tế rừng bền vững. Kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Đổi mới hoạt động của Trung tâm phát triển Quỹ đất làm nền tảng đề xây dựng “Ngân hàng đất” hỗ trợ cho giao dịch, chuyển nhượng quyền sử dụng và phát huy quyền tài sản đối với đất nông nghiệp.

**c) Về chính sách thuế**

- Tổ chức có hiệu quả các chính sách thuế, phí ưu đãi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm cho cư dân nông thôn và tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương.

- Rà soát, cắt, giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính về thuế nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí và tăng hiệu quả việc đăng ký, khai, nộp, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử cho doanh nghiệp, hợp tác xã. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong việc triển khai các thủ tục hành chính liên quan đến thuế, phí như khai, nộp, hoàn thuế.

**d) Về chính sách đầu tư, nguồn vốn và tín dụng**

- Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu để tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, đào tạo nhân lực, bảo đảm liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư công nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các vùng có lợi thế, vùng sản xuất hàng hoá tập trung. Ưu tiên phân bổ, nâng cao hiệu quả ngân sách thực hiện các chính sách: thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; khuyến nông; nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGap, hữu cơ; phát triển các sản phẩm OCOP…Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn gấp 4 lần giai đoạn 2011-2020.

- Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

- Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm an toàn, hiệu quả. Đa dạng hoá các sản phẩm tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đặc biết phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô tập trung, ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái…

- Phát huy vai trò của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Ngân hàng thương mại để hỗ trợ nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân, các đối tượng chính sách, hộ nghèo tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn ưu đãi để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng, góp phần tích cực vào phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**6. Phát triển nền nông nghiệp toàn diện, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ; phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ**

**a) Phát triển nền nông nghiệp toàn diện, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng**

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 825/KH-UBND, ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 24/3/2022 của Ban chỉ đạo thực hiện các nội dung đột phá về phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022-2025, trong đó tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng địa phương, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc hữu của tỉnh; gắn phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường, cụ thể như”

*- Lĩnh vực Trồng trọt*

+ Đổi mới cơ cấu cây trồng và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn nhằm phát huy lợi thế là ngành sản xuất chiến lược đảm bảo nhu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu. Ưu tiên các loại cây trồng có lợi thế so sánh và nhu cầu lớn. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm.

+ Duy trì và sử dụng hiệu quả trên 29.000 ha đất trồng lúa, trên 30.000 ha đất trồng ngô đảm bảo lương thực trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng giống mới, cho năng suất cao, có khả năng kháng được nhiều loại sâu bệnh, áp dụng cơ giới hoá trong canh tác để giải phóng sức lao động, tăng năng suất cây trồng.

+ Phát triển các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao: Cây dẻ, lê với diện tích cây dẻ đạt 1.000 ha, trong đó diện tích trồng mới đạt 900 ha, tập trung tại huyện Trùng Khánh. Cây lê diện tích đạt 500 ha, tập trung tại các huyện Thạch An, Hoà An, Nguyên Bình. Phát triển các loại cây trồng đặc sản, đặc hữu của địa phương: cây mận máu, lê xanh.... theo hướng sản xuất hàng hoá. Xây dựng các mô hình du lịch gắn với nông nghiệp, gắn với các lễ hội tại địa phương (lễ hội Thác Bản Giốc, lễ hội du lịch hoa lê...) nhằm giới thiệu, tuyên truyền và quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng.

+ Hình thành các vùng trồng cây công nghiệp, cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cây thạch đen 1.000 ha tại các huyện Thạch An, Hoà An, Quảng Hòa; cây thuốc lá 5.000 ha tại các huyện Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình, Quảng Hòa, Trùng Khánh; cây mía 4.000 ha tại các huyện Quảng Hoà, Thạch An, Hạ Lang; cây dong riềng 700 ha tại các vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp.

+ Tiếp tục nghiên cứu, thúc đẩy triển khai và nhân rộng các chương trình, dự án trồng trọt như: Dự án trang trại nông nghiệp thông minh Cao Bằng của Công ty cổ phần Hitech-Farm Hàn Quốc; một số dự án trồng rau, dâu tây, nho... gắn với sơ chế, bảo quản và xây dựng thương hiệu sản phẩm tại Thành phố Cao Bằng.

*- Lĩnh vực Chăn nuôi*

+ Thực hiện cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Tập trung đầu tư cho các vùng có điều kiện phát triển chăn nuôi hàng hoá theo phương thức thâm canh, kết hợp chăn nuôi truyền thống với chăn nuôi công nghiệp tạo tính bền vững và hiệu quả; chuyển đổi mạnh từ chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ sang quy mô vừa và lớn theo hướng sản xuất hàng hoá, bán công nghiệp.

+ Phát triển đàn vật nuôi theo hướng đảm bảo an toàn sinh học, chăn nuôi theo VietGAHP, đến năm 2030 đàn trâu khoảng 112.928 con, đàn bò khoảng 153.424 con, đàn lợn đạt khoảng 446.490 con, đàn gia cầm khoảng 3.278.541 nghìn con, các vật nuôi khác (dê, thỏ, ngựa) đạt trên 15.000 con. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đến năm 2030 đạt 53.046 tấn, trong đó sản lượng thịt lợn xuất chuồng đạt 37.761 tấn. Sản lượng trứng gia cầm đạt 52.051 triệu quả/năm.

+ Từng bước kiểm soát, liên kết các cơ sở chăn nuôi nông hộ thành các tổ hợp tác, Hợp tác xã để tăng quy mô, tạo ra số lượng sản phẩm lớn, tạo sự ổn định cho đầu ra sản phẩm. Khuyến khích phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 30 cơ sở chăn nuôi đạt quy mô chăn nuôi trang trại.

+ Xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung xa khu vực dân cư, thuận lợi cho xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh. Mỗi huyện, Thành phố hình thành ít nhất 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm. 100% trang trại chăn nuôi được quản lý, giám sát dịch bệnh, ứng dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học. Chất thải của các cơ sở chăn nuôi đảm bảo phải được xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với một số doanh nghiệp mở rộng đầu tư các dự án chăn nuôi lợn nái, lợn thịt quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thông minh và thu hút một số doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu tư các dự án mới để phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên của tỉnh.

*- Lĩnh vực Lâm nghiệp*

+ Tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, đảm bảo sự tham gia rộng rãi, bình đẳng của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội.

+ Đẩy mạnh công tác trồng rừng và bảo vệ rừng, phát triển diện tích trồng rừng mới đến năm 2030 trồng rừng 10.000 ha (trồng mới rừng sản xuất 8.800 ha, trồng rừng phòng hộ 1.200 ha), trồng cây phân tán 10.000.000 cây.

+ Phát triển dịch vụ môi trường rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Gắn việc phát triển kinh tế rừng với bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến năm 2030 tỉ lệ che phủ rừng toàn tỉnh ổn định ở mức khoảng 60%, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có.

+ Phát triển các loại cây lâm sản có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tập trung vào các loại cây trồng đặc sản, đặc hữu, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh: trồng mới thêm 1.200ha cây trúc sào tại; 500ha cây hồi; 1.800ha cây quế; thu hút đầu tư trồng khoảng 1.500ha cây mắc ca. Tận dụng tiềm năng, lợi thế về diện tích đất dưới tán rừng, thu hút đầu tư trồng khoảng 500ha cây lâm sản ngoài gỗ như: Lan Kim tuyến, Thất diệp nhất chi hoa (7 lá một hoa), Tam thất...

*- Lĩnh vực Thuỷ sản*

+ Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để xây dựng và phát triển thủy sản có thể trở thành một ngành sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và bền vững. Tập trung phát triển các loài thủy sản có lợi thế và khả năng cạnh tranh như nuôi cá bỗng, cá chiên, rầm xanh... đồng thời, phát triển các sản phẩm thủy đặc sản của vùng, địa phương.

+ Thu hút các nguồn lực, các thành phấn kinh tế đầu tư phát triển thủy sản hiệu quả với lực lượng doanh nghiệp là nòng cốt. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển nuôi thủy sản theo hướng thâm canh, áp dụng các công nghệ tiên tiến vào nuôi thủy sản và xử lý môi trường.

+ Phấn đấu đến năm 2030 tổng sản lượng thủy sản trên 935 tấn, trong đó sản lượng khai thác 135 tấn, sản lượng nuôi trồng 800 tấn. Diện tích nuôi thủy sản 438ha, trong đó nuôi thâm canh và bán thâm canh 24ha, thể tích lồng nuôi cá trên 20.000m3.

+ Xây dựng 02 vùng nuôi thủy sản lồng bè, áp dụng các biện pháp đảm bảo vệ sinh, phòng bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

**b) Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ**

- Đẩy mạnh đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã hợp tác, liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị, liên ngành, liên vùng, trong đó tập trung triển khai các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đấu đến năm 2025 tư vấn, hỗ trợ thành lập mới được 75 HTX nông nghiệp (bình quân thành lập mới 15 HTX nông nghiệp/năm) nâng tổng số HTX nông nghiệp toàn tỉnh đến hết năm 2025 có 174 HTX và thành lập được 01 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

- Đẩy mạnh thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả; mở rộng sản xuất nông sản hàng hóa gắn với xây dựng, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa.

- Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, gắn với phát triển, nhân rộng thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản, nhất là đối với các nhóm nông lâm thủy sản xuất khẩu. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về chất lượng an toàn thực phẩm, gian lận xuất xứ, gian lận thương mại. Mở rộng thị trường tiêu thụ, cùng với nâng cao giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản, tập trung đẩy mạnh tiêu thụ trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ, thúc đẩy các sản phẩm xuất khẩu chính ngạch; đa dạng hoá các thị trường, tránh phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng, phát triển một số thương hiệu mạnh về hàng nông lâm thủy sản của tỉnh; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử hàng nông sản. Thúc đẩy nghiên cứu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài cho sản phẩm chủ lực địa phương về nông nghiệp.

**7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai**

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sản xuất đảm bảo phù hợp điều kiện, lợi thế của từng địa phương; bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa đề đảm bảo an ninh lương thực. Quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả bền vững nguồn nước mặt, nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về phá rừng, cháy rừng, khai thác gỗ trái phép. Bảo vệ và phát triển rừng gắn với bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn môi trường sinh thái. Tập trung trồng rừng phòng hộ, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ chứa để bảo vệ chặt chẽ những vùng nhạy cảm về sinh thái, môi trường.

- Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng...

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng "thuận thiên". Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn) và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Sử dụng các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro là cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường.... Có kế hoạch, giải pháp chủ động đối phó, khắc phục các vấn đề rủi ro bất định theo các phương án kịch bản đối với các nguy cơ quan trọng cho sản xuất và phát triển nông thôn như các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, tả lợn châu Phi...), các hiện tượng nguy hại (sụt lở sông, sụt lún nền...), các xu hướng diễn biến bất lợi (già hóa dân số, di cư tự phát), đảm bảo phát triển bền vững.

**8. Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế; đẩy mạnh hợp tác với Chính quyền Khu tự trị Dân tộc Choang Quang Tây - Trung Quốc và các tổ chức quốc tế, xúc tiến thương mại phát triển thị trường, xúc tiến đầu tư lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

- Nâng cao năng lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác về nông nghiệp, nông thôn với Khu tự trị Dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, tiếp cận khoa học công nghệ, mở rộng liên kết, phát triển thị trường nông sản của tỉnh; triển khai các kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản sang thị Trường Trung Quốc.

- Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn đa phương, tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế để cung cấp thông tin, kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh; thúc đẩy xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật

- Nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp như: công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ nhân giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức các đoàn công tác trao đổi, tham quan, học tập mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, xây dựng nông thôn mới của các nước có thế mạnh về phát triển nông lâm nghiệp.

*(Các nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành, địa phương tại Phụ lục II kèm theo)*

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện chung của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình *(hoàn thành trước ngày 30/6/2023)*.

- Phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên công tác này.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình tốt, khen thưởng, kỷ luật kịp thời các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/11) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh, đồng thời gửi cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi, tổng hợp.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất các giải pháp kịp thời với UBND tỉnh.

**2. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh**

- Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 20-CTr/TU và Kế hoạch này xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, giám sát; phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành, các cấp thống nhất nhận thức và hành động để thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 20-CTr/TU và Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Nông nghiệp và PTNT;- TT. Tỉnh ủy; - TT. HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- UBND các huyện, thành phố; - Lưu: VT, KT. | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Trung Thảo** |